

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Minh

2. Ông Nguyễn Thanh Trương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thúy K; địa chỉ: Khu dân cư X, thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Duy T; địa chỉ: Khu dân cư X, thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị K có mặt; anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 4 năm 2020, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị Thúy K trình bày:

Chị và anh Phan Duy T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 21-7-2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, anh T thường xuyên uống rượu về gây gổ, đánh đập chị. Năm 2017 chị có gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với

anh T nhưng sau khi thụ lý, Tòa án động viên thì anh T hứa sẽ sửa đổi và viết giấy cam đoan nên chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi rút đơn về chung sống thì anh T vẫn không có gì thay đổi. Nay chị không thể chung sống với anh T được nữa, không thể chịu đựng cuộc sống bạo lực, không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phan Duy T.

Về con chung: Chị và anh Phan Duy T có 02 con chung là Phan Trần Yến N, sinh ngày 06-6-2009 và Phan Trần Vân A, sinh ngày 25-3-2013 (hiện đang ở cùng với chị). Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao 02 con Phan Trần Vân A và Phan Trần Yến N cho chị trực tiếp nuôi; không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn anh Phan Duy T nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng pháp luật theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thúy K. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thúy K được ly hôn anh Phan Duy T. Về con chung: Giao 02 con chung là Phan Trần Yến N, sinh ngày 06-6-2009 và Phan Trần Vân A, sinh ngày 25-3-2013 cho chị Trần Thị Thúy K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị K không yêu cầu anh Phan Duy T phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày không có nợ chung; anh T không có ý kiến trình bày về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm chị Trần Thị Thúy K khởi kiện thì anh Phan Duy T đang cư trú tại thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện

Mộ Đức thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thúy K là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Phan Duy T tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Thúy K và anh Phan Duy T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 21-7-2008. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh T là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thúy K, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã nhiều lần động viên chị K đoàn tụ với anh T, nhưng chị K cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh T thường xuyên uống rượu về gây gỗ, đánh đập chị nên vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Đối với anh Phan Duy T, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị K, không tham gia phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Từ những nhận định trên, có thể thấy rằng tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Trần Thị Thúy K và anh Phan Duy T đã trầm trọng; vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đây là một trong những căn cứ để Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, chị Trần Thị Thúy K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Phan Duy T là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn chị Trần Thị Thúy K trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Chị Trần Thị Thúy K và anh Phan Duy T có 02 con chung là Phan Trần Yên N, sinh ngày 06-6-2009 và Phan Trần Vân A, sinh ngày 25-3-2013. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị K yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi.

Xét yêu cầu về nuôi con của chị Trần Thị Thúy K, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay 02 con chung Phan Trần Yên N và Phan Trần Vân A đang sống cùng với chị K. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phan Duy T không có ý kiến, yêu cầu gì về việc nuôi con. Ngoài ra, các cháu Phan Trần Yên N và Phan Trần Vân A đều trình bày có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để ổn định cuộc sống và các quyền lợi khác cho cháu N và cháu A, cũng như để đáp ứng theo nguyện vọng của cháu N và cháu A. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị

Thúy K, giao 02 con chung Phan Trần Yến N và Phan Trần Vân A cho chị K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Chị Trần Thị Thúy K được giao trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu anh Phan Duy T cấp dưỡng cho con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày không có nợ chung; anh T không có ý kiến trình bày về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Thúy K phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị K đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thúy K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thúy K được ly hôn anh Phan Duy T.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Thúy K và anh Phan Duy T có 02 con chung là Phan Trần Yến N, sinh ngày 06-6-2009 và Phan Trần Vân A, sinh ngày 25-3-2013.

Giao 02 con chung Phan Trần Yến N và Phan Trần Vân A cho chị Trần Thị Thúy K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Phan Duy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con: Chị Trần Thị Thúy K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày không có nợ chung; anh T không có ý kiến trình bày về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Thúy K phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002584 ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị Thúy K sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Phan Duy T không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong